TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 3 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Ngọc Mai

2. Bà Lê Thị Kiều Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 449/2023/TLST-HN&GĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Kh, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số nhà 468, Ấp N, xã Ph, Huyện T, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Dương T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 08, tổ 4, thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Kh trình bày: Chị và anh Dương T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 08/9/2022, giấy chứng nhận kết hôn số 89. Quá trình chung sống giữa chị và anh Dương T không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, hai vợ chồng bất đồng quan điểm, cả hai không thể dung hòa với nhau, không còn tiếng nói chung. Chị xác định không thể tiếp tục tiếp tục chung sống với anh Dương T được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Dương Thị Ngọc Tr, sinh ngày 21/9/2022. Nay chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị đồng ý chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Theo biên bản xác minhngày 09/01/2024, mẹ ruột của anh Dương T, bà Đặng Thị S trình bày: Hiện nay anh T đang cư trú tại thôn 4, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh T và chị Kh kết hôn xong chỉ sống được với nhau 3 tháng thì ly thân cho đến nay. Anh T có nghiện ma túy, cũng đã từng bị công an xử phạt hành chính. Bà đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án giao lại cho anh T nhưng anh không đến Tòa, lý do vì sao thì bà không biết.

Tóa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không đến tòa án nên không thể tiến hành hòa giải theo quy định.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[4] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Kh và anh Dương T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 08/9/2022, giấy chứng nhận kết hôn số 89. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh, chị đã không biết cách xây dựng hôn nhân ngày càng hạnh phúc, không biết lắng nghe, chia sẻ cùng nhau, đã làm cho tình cảm ngày càng rạn nứt. Nay chị yêu cầu ly hôn anh, nhưng anh T bỏ mặc cho chị Kh muốn làm gì thì làm, tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án. Do đó, thấy rằng anh Dương T đã không còn quan tâm đến chị Nguyễn Thị Ngọc Kh nữa nên bỏ mặc cho chị muốn làm gì thì làm. Vì vậy xét thấy anh chị đã không còn tình cảm với nhau nữa, nên cần giải quyết cho chị ly hôn anh là phù hợp.

[b] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Dương Thị Ngọc Tr, sinh ngày 21/9/2022. Cháu còn nhỏ, giao cho mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T cũng không tranh chấp nuôi con. Ngoài ra về cấp dưỡng nuôi con: Chị Kh không yêu cầu nên không cần xem xét.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Thủy là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Kh:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Kh ly hôn anh Dương T

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc Kh được quyền được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Thị Ngọc Tr, sinh ngày 21/9/2022. Chị Kh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Kh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị Kh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017630, ngày 19 tháng 10 năm 2023. Chị Kh đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Linh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CC THADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, QĐ./.

Phan Phúc Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**